PHAO-LÔ GIÁM MỤC  
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA  
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG  
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

**HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA – DEI VERBUM**

*Ngày 18 tháng 11 năm 1965*

**HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA – DEI VERBUM**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**CHƯƠNG I. VỀ CHÍNH VIỆC MẠC KHẢI**

**CHƯƠNG II. SỰ LƯU TRUYỀN MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA**

**CHƯƠNG III. ƠN LINH HỨNG VÀ VIỆC GIẢI THÍCH THÁNH KINH**

**CHƯƠNG IV. CỰU ƯỚC**

**CHƯƠNG V. TÂN ƯỚC**

**CHƯƠNG VI. THÁNH KINH TRONG ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI**

**Chú thích**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**1**

Khi thành kính lắng nghe và mạnh dạn công bố Lời Thiên Chúa, Thánh Công Đồng làm theo lời thánh Gio-an: “Chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời, sự sống vẫn luôn hướng về Chúa Cha và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi: chúng tôi loan báo cho anh em điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi, phần chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và với Con của Ngài là Đức Giê-su Ki-tô” (1 Ga 1,2-3). Bởi thế, noi gương Công Đồng Tren-tô và Va-ti-ca-nô I, Công Đồng này muốn trình bày giáo lý chân thật về mạc khải của Thiên Chúa và về việc lưu truyền mạc khải ấy, để nhờ việc rao giảng ơn cứu độ, toàn thể thế giới nhờ nghe mà tin, nhờ tin mà trông cậy, nhờ trông cậy mà yêu mến.**1**

**CHƯƠNG I. VỀ CHÍNH VIỆC MẠC KHẢI**

**2**

Do lòng nhân lành và khôn ngoan, Thiên Chúa đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho biết thiên ý nhiệm mầu (x. Ep 1,9), nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Ki-tô, Ngôi Lời nhập thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần vào bản tính Thiên Chúa (x. Ep 2,18; 2 Pr 1,4). Qua việc mạc khải này, Thiên Chúa vô hình (x. Cl 1,15; 1 Tm 1,17), trong tình yêu thương chan hòa, đã ngỏ lời với loài người như với bạn hữu (x. Xh 33,11; Ga 15,14-15) và đến nói chuyện với họ (x. Br 3,38) để mời gọi và chấp nhận cho họ đi vào cuộc sống của chính Ngài. Nhiệm cục mạc khải này được thực hiện bằng những hành động và lời nói có liên hệ mật thiết với nhau, đến độ các việc Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu độ biểu lộ và củng cố những giáo huấn cũng như các thực tại được diễn tả bằng lời nói; còn lời nói được dùng để công bố và làm sáng tỏ mầu nhiệm được chứa đựng trong các việc làm. Quả thực, nhờ mạc khải này, chân lý thâm sâu về Thiên Chúa cũng như về công cuộc cứu độ con người được bày tỏ cho chúng ta trong Chúa Ki-tô, Đấng vừa là trung gian vừa là sự viên mãn của toàn thể mạc khải.**2**

**3**

Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời (x. Ga 1,3), không ngừng minh chứng về chính mình cho loài người qua các thọ tạo (x. Rm 1,19-20), hơn nữa, vì muốn mở ra con đường cứu độ cao vời, ngay từ khởi thủy, Ngài đã tỏ mình ra cho nguyên tổ. Sau khi tổ tông sa ngã, bằng việc hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng con người chỗi dậy, hướng tới niềm hy vọng cứu độ (x. St 3,15), và không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm ơn cứu độ bằng cách kiên tâm làm việc lành (x. Rm 1,19-20). Khi đến kỳ hạn, Ngài đã gọi Abraham để từ nơi ông thành lập một đoàn dân đông đảo (x. St 12,2-3), một dân tộc mà sau thời các tổ phụ, Ngài đã dùng Môsê và các ngôn sứ để dạy dỗ, giúp họ nhận biết Ngài là Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng, là Thẩm phán chí công và để họ trông đợi Đấng Cứu Thế Ngài đã hứa ban. Như thế, qua các thời đại, Ngài đã dọn đường cho Tin Mừng.

**4**

Sau khi phán dạy nhiều lần nhiều cách qua các ngôn sứ, “vào những ngày sau hết này, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua Người Con” (x. Dt 1,1-2). Thật vậy, Ngài đã sai Con của Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng soi sáng mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ biết những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Ga 1,1-18). Như vậy, Đức Giê-su Ki-tô, Ngôi Lời trở thành xác phàm, “một người được sai đến với mọi người”,**3** “đã nói lời của Thiên Chúa” (Ga 3,34) và hoàn thành công trình cứu độ Chúa Cha đã giao phó cho Người thực hiện (x. Ga 5,36; 17,4). Vì thế, Đấng mà ai thấy là thấy Chúa Cha (x. Ga 14,9), bằng tất cả sự hiện diện và cách thế tỏ bày chính mình, bằng lời nói và việc làm, bằng các dấu chỉ và phép lạ, nhất là bằng cái chết và sự sống lại vinh quang từ trong kẻ chết, sau cùng, bằng việc cử Thánh Thần Chân lý đến, chính Người đã hoàn tất việc kiện toàn mạc khải và dùng chứng cứ thần linh xác nhận là Thiên Chúa ở với chúng ta, để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, cho chúng ta sống lại để được sống đời đời.

Như vậy, nhiệm cục Ki-tô giáo sẽ mãi mãi trường tồn vì là giao ước mới và vĩnh viễn, và chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công khai mới nào khác nữa trước ngày Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta tỏ mình ra trong vinh quang (x. 1 Tm 6,14; Tt 2,13).

**5**

Đối với Thiên Chúa, Đấng mạc khải, con người phải bày tỏ “sự vâng phục bằng đức tin” (Rm 16,26; x. Rm 1,5; 2 Cr 10,5-6), qua đó, con người tự do phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa bằng việc “dâng lên Thiên Chúa, Đấng mạc khải, sự quy phục trọn vẹn của lý trí và ý chí”,**4** và tự nguyện ưng thuận mạc khải Ngài đã ban. Để có được đức tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đến trước nâng đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng lay chuyển và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và cho “mọi người cảm thấy dịu ngọt khi ưng thuận và tin vào chân lý”.**5** Và cũng chính Thánh Thần không ngừng kiện toàn đức tin bằng các ân huệ của Ngài để giúp con người ngày càng thấu hiểu mạc khải sâu xa thêm hơn.

**6**

Thiên Chúa đã muốn dùng mạc khải thần linh để biểu lộ và thông ban chính mình cũng như ý định muôn đời của Ngài liên quan đến việc cứu rỗi nhân loại, “nghĩa là cho con người được tham dự vào các ân phúc siêu nhiên hoàn toàn vượt quá trí hiểu loài người”.**6** Thánh Công Đồng công nhận rằng “con người có thể nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí nhân loại suy luận từ các thụ tạo để nhận biết cách chắc chắn về Thiên Chúa là nguyên lý và cứu cánh mọi sự” (x. Rm 1,20); nhưng Công Đồng cũng dạy rằng cần phải có mạc khải, “để tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa, tự chúng vốn không vượt quá khả năng của lý trí, nay có thể được mọi người, trong tình trạng hiện tại của nhân loại, nhận biết cách dễ dàng, chắc chắn và không nhầm lẫn sai lạc”.**7**

**CHƯƠNG II. SỰ LƯU TRUYỀN MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA**

**7**

Thiên Chúa đã ân cần sắp đặt để những gì Ngài đã mạc khải để cứu rỗi muôn dân luôn được bảo toàn và lưu truyền nguyên vẹn cho mọi thế hệ. Bởi thế, Chúa Ki-tô, Đấng kiện toàn trọn vẹn mạc khải của Thiên Chúa tối cao (x. 2 Cr 1,20 và 3,16-4,6), đã truyền dạy các Tông đồ rao giảng Tin Mừng đã được hứa trước qua các Ngôn sứ, được chính Người thực hiện và do chính miệng Người công bố, Tin mừng đó được rao giảng cho mọi người như nguồn mạch mọi chân lý cứu độ và luật lệ luân lý,**8** đồng thời thông ban cho họ các ân huệ của Thiên Chúa. Sứ vụ này đã được thực hiện cách trung thành, hoặc bằng việc các Tông đồ dùng lời giảng dạy, gương lành và các định chế để truyền lại những điều các ngài đã nhận lãnh từ lời dạy dỗ, từ gương sống và các hành động của Chúa Ki-tô, hay đã biết được nhờ sự soi dẫn của Chúa Thánh Thần; hoặc bởi việc chính các Tông đồ và những người cùng hoạt động tông đồ với các ngài đã viết lại sứ điệp cứu độ dưới sự linh hứng của cùng một Chúa Thánh Thần.**9**

Nhưng để Tin Mừng được giữ gìn toàn vẹn và sống động mãi trong Giáo Hội, các Tông đồ đã để lại những người kế vị là các Giám mục và “trao cho họ quyền giáo huấn của các ngài”.**10** Bởi vậy, Thánh Truyền cùng với Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước, nên như tấm gương mà Giáo Hội lữ thứ trên trần gian nhìn vào để chiêm ngưỡng Thiên Chúa, Đấng là nguồn mạch của tất cả những gì Giáo Hội đã nhận lãnh, cho đến khi được dẫn tới để nhìn Ngài diện đối diện, Ngài thế nào sẽ thấy được Ngài như vậy (x. 1 Ga 3,2).

**8**

Vì thế, những lời giảng dạy của các Tông đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách được linh hứng, phải được bảo tồn và liên tục lưu truyền cho đến tận thế. Do đó, khi truyền lại những gì chính mình đã nhận lãnh, các Tông đồ khuyên bảo các tín hữu giữ gìn các truyền thống họ đã học biết qua lời chỉ giáo hay bằng thư từ (x. 2 Ts 2,15), và chiến đấu bảo vệ đức tin được truyền đạt cho họ chỉ một lần là đủ (Gđ 1,3).**11** Và những điều các Tông đồ truyền lại bao gồm tất cả những gì góp phần giúp Dân Thiên Chúa sống thánh thiện và làm tăng trưởng đức tin, và như thế, qua giáo lý, đời sống và việc phượng tự, Giáo Hội bảo tồn và lưu truyền cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin.

Thánh Truyền do các Tông đồ truyền lại được tiếp nối trong Giáo Hội dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần.**12** Thật vậy, các sự việc và lời nói truyền lại được hiểu biết thấu đáo hơn, hoặc nhờ sự chiêm niệm và học hỏi của những tín hữu đã luôn suy tưởng các điều ấy trong lòng (x. Lc 2,19 và 51), hoặc nhờ sự thông hiểu về những cảm nghiệm thiêng liêng, hoặc nhờ sự giảng dạy của những người đã lãnh nhận cách chắc chắn đoàn sủng về chân lý cùng với việc kế vị các Tông đồ trong chức Giám mục. Như thế, qua bao thế kỷ, Giáo Hội luôn hướng tới sự viên mãn của chân lý thần linh, cho đến khi các lời của Thiên Chúa được hoàn tất nơi chính Giáo Hội.

Lời các thánh Giáo Phụ chứng thực sự có mặt sống động của Thánh Truyền với bao giá trị phong phú đã thấm sâu vào các thực hành và đời sống của Giáo Hội, một cộng đoàn đang tin và đang cầu nguyện. Nhờ Thánh Truyền, Giáo Hội biết được toàn bộ thư quy Thánh Kinh, cũng chính Thánh Truyền làm cho Thánh Kinh được hiểu biết thấu đáo hơn và không ngừng trở nên sống động; như thế, Thiên Chúa, Đấng đã từng phán dạy, nay vẫn không ngừng ngỏ lời với Hiền Thê của Con yêu dấu mình, và Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho tiếng nói sống động của Tin Mừng vang dội trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội, làm vang dội trong thế giới, hướng dẫn các tín hữu nhận biết toàn thể chân lý và làm cho Lời Chúa Ki-tô được phong phú dồi dào trong họ (x. Cl 3,16).

**9**

Như vậy, Thánh Truyền và Thánh Kinh được nối kết và thông giao với nhau cách chặt chẽ. Thật thế, vì đều phát xuất từ một nguồn mạch thần linh, nên có thể nói cả hai kết hợp thành một và cùng quy hướng về một mục đích. Quả vậy, Thánh Kinh là lời nói của Thiên Chúa, xét như Lời đã được ghi chép dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần; còn Thánh Truyền thì mang giữ Lời Thiên Chúa, đã được Chúa Ki-tô và Chúa Thánh Thần ký thác cho các Tông đồ, sau đó truyền đạt nguyên vẹn lại cho những người kế vị, để những người này, nhờ Thánh Thần chân lý soi sáng, trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến Lời ấy bằng việc rao giảng; như thế, Giáo Hội có được niềm xác tín về mọi điều mạc khải không phải chỉ nhờ Thánh Kinh mà thôi. Chính vì vậy, cả Thánh Kinh lẫn Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn trọng với một lòng quý mến và thành kính như nhau.**13**

**10**

Thánh Truyền và Thánh Kinh làm thành kho tàng thánh thiêng duy nhất lưu trữ Lời Chúa đã được ký thác cho Giáo Hội; nhờ gắn bó với kho tàng ấy, toàn thể Dân Thánh, khi được quy tụ quanh các Chủ Chăn, luôn trung thành trong việc lắng nghe giáo huấn của các Tông đồ, trong tình hiệp thông, trong nghi lễ bẻ bánh và trong kinh nguyện (x. Cv 2,42, bản Hy-lạp), nhờ đó, giữa các vị lãnh đạo và các tín hữu có sự nhất trí lạ lùng trong việc nắm giữ, thực hành và tuyên xưng đức tin đã được lưu truyền.**14**

Nhiệm vụ chính thức giải thích Lời Chúa đã được ghi chép hay lưu truyền,**15** đã được ủy thác riêng cho Huấn Quyền sống động của Giáo Hội,**16** một quyền hạn được thi hành nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô. Tuy nhiên, Huấn Quyền không ở trên Lời Chúa, nhưng phục vụ Lời Chúa vì chỉ giảng dạy những điều đã được truyền lại; bởi vì, do mệnh lệnh của Thiên Chúa và nhờ ơn trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Huấn Quyền yêu mến lắng nghe, thành kính gìn giữ và trung thành trình bày Lời Chúa, đồng thời cũng kín múc từ kho tàng đức tin duy nhất ấy tất cả những gì mà Huấn Quyền công bố cho giáo dân tin như là những điều được Thiên Chúa mạc khải.

Như thế, chúng ta đã thấy rõ là do ý định vô cùng khôn ngoan của Thiên Chúa, Thánh Truyền, Thánh Kinh và Huấn Quyền của Giáo Hội được nối kết và liên đới với nhau đến nỗi cả ba luôn cần đến nhau để có thể tồn tại; và dưới tác động của một Thánh Thần duy nhất, cả ba theo phương cách riêng của mình nhưng đều góp phần hữu hiệu vào việc cứu rỗi các linh hồn.

**CHƯƠNG III. ƠN LINH HỨNG VÀ VIỆC GIẢI THÍCH THÁNH KINH**

**11**

Những mạc khải được chứa đựng và trình bày trong Thánh Kinh, đều được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Thật vậy, Giáo Hội, Mẹ Thánh chúng ta, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ các sách Cựu Ước cũng như Tân Ước với tất cả các phần đoạn đều là Sách Thánh và được ghi vào bản thư quy Thánh Kinh, vì được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần (x. Ga 20,31; 2 Tm 3,16; 2 Pr 1,19-21; 3,15-16), các sách ấy có tác giả là chính Thiên Chúa và được truyền lại cho Giáo Hội đúng theo nguyên bản.**17** Quả vậy, trong việc biên soạn các Sách Thánh, Thiên Chúa đã chọn những con người và nhờ họ dùng tài năng và công sức,**18** để khi chính Ngài hành động trong con người và qua con người,**19** họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ những điều đó mà thôi.**20**

Vì mọi lời các tác giả được linh hứng, cũng gọi là thánh sử, đã viết ra là những điều được xác quyết bởi Chúa Thánh Thần, nên phải tuyên nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm về chân lý mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại để cứu độ chúng ta.**21** Bởi vậy “toàn bộ Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng và hữu dụng trong việc giảng giải, biện bác, sửa dạy, giáo dục để nên công chính: giúp cho người của Thiên Chúa trở nên toàn hảo và được trang bị đầy đủ để làm mọi việc lành” (2 Tm 3,16-17: bản Hy-lạp).

**12**

Tuy nhiên, vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ con người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy,**22** nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thật sự có ý diễn đạt và điều Thiên Chúa muốn bày tỏ qua lời lẽ của các ngài.

Để tìm ra chủ ý của các thánh sử, giữa những phương pháp khác nhau, cũng cần phải chú ý đến “văn thể”, vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, ngôn sứ, thi phú hoặc những cách diễn đạt khác; hơn nữa, nhà chú giải cũng cần phải tìm hiểu ý nghĩa mà thánh sử muốn diễn tả và thật sự đã diễn tả trong những trường hợp rõ rệt, trong hoàn cảnh thời đại và văn hóa của các ngài, qua các lối hành văn được dùng trong thời đó.**23** Thật vậy, để hiểu đúng ý nghĩa tác giả thánh muốn khẳng định trong bản văn, chúng ta phải chú tâm đúng mức đến những cách thức cảm nhận, nói năng hoặc tường thuật của người bản xứ, thường được dùng vào thời đại của thánh sử, cũng như các cách thức mà người thời ấy quen dùng khi giao tế với nhau.**24**

Nhưng vì Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, thì cũng phải được đọc và giải thích nhờ chính Thánh Thần.**25** Và để khám phá chính xác ý nghĩa của các bản văn thánh, cũng phải xem xét cách kỹ lưỡng đến nội dung và tính duy nhất của toàn thể Sách Thánh, dựa trên truyền thống sống động của toàn thể Giáo Hội và phương cách loại suy trong lãnh vực đức tin. Các nhà chú giải có nhiệm vụ dựa theo những quy tắc đó khi cố gắng tìm hiểu thấu đáo và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu sắc hơn, để việc nghiên cứu của họ nên như công trình chuẩn bị giúp cho phán quyết của Giáo Hội được thêm hoàn hảo. Quả vậy, những gì liên hệ đến việc giải thích Thánh Kinh, cuối cùng đều phải lệ thuộc vào phán quyết của Giáo Hội, vì Thiên Chúa đã truyền lệnh và trao cho Giáo Hội nhiệm vụ gìn giữ và giải thích Lời Ngài.**26**

**13**

Trong Thánh Kinh, sự “hạ cố” kỳ diệu của Đức Khôn Ngoan vĩnh cửu đã được tỏ hiện, trong khi vẫn bảo toàn phẩm tính chân thật và thánh thiện của Thiên Chúa, “để chúng ta biết được lòng nhân từ khôn tả của Thiên Chúa và nhận ra Ngài đã thích ứng lời nói của Ngài đến mức nào, khi Ngài đã biết trước và quan tâm đến nhân tính của chúng ta”.**27** Quả thế, các lời của Thiên Chúa được diễn tả bằng ngôn ngữ loài người, đã trở nên tương tự với lời nói loài người, cũng như xưa Ngôi Lời của Chúa Cha vĩnh cửu đã mặc lấy xác thịt yếu đuối của loài người, đã trở nên giống như con người.

**CHƯƠNG IV. CỰU ƯỚC**

**14**

Khi ân cần dự định và chuẩn bị việc cứu độ toàn thể nhân loại, Thiên Chúa chí ái đã có một kế hoạch đặc biệt trong việc tuyển chọn đoàn dân riêng để trao gửi các lời hứa. Thật vậy, sau khi đã ký kết giao ước với Abraham (x. St 15,18) và với dân Israel qua trung gian Môsê (x. Xh 24,8), Ngài đã dùng lời nói và hành động để mạc khải cho dân riêng của Ngài biết rằng chính Ngài là Thiên Chúa duy nhất, chân thật và hằng sống, nhờ đó Israel nghiệm thấy đâu là những đường lối Thiên Chúa đối xử với loài người, và nhờ chính Ngài phán dạy qua miệng các ngôn sứ, càng ngày họ càng thấu hiểu những đường lối ấy cách sâu xa rõ ràng hơn, và đem phổ biến rộng rãi hơn nơi các dân tộc (x. Tv 21,28-29; 95,1-3; Is 2,1-4; Gr 3,17). Nhiệm cục cứu độ mà các tác giả Thánh Kinh đã tiên báo, thuật lại và giải thích, còn tồn tại trong các sách Cựu Ước với tính cách là lời thật sự của Thiên Chúa. Vì vậy, các sách đã được Thiên Chúa linh hứng này vẫn giữ một giá trị trường cửu: “Quả thế, tất cả những gì đã viết ra, đều được viết để dạy dỗ chúng ta, để nhờ kiên nhẫn và được an ủi bởi lời Thánh Kinh, chúng ta có được niềm cậy trông” (Rm 15,4).

**15**

Nhiệm cục Cựu Ước được sắp đặt với mục đích chính yếu là để chuẩn bị cho ngày xuất hiện của Chúa Ki-tô, Đấng Cứu Độ muôn loài, ngày của Vương quốc Đấng Mê-si-a, được loan báo qua các ngôn sứ (x. Lc 24,44; Ga 5,39; 1 Pr 1,10) và được biểu thị bằng nhiều hình ảnh khác nhau (1 Cr 10,11). Hợp theo hoàn cảnh nhân loại trước thời Chúa Ki-tô thiết lập hồng ân cứu độ, các sách Cựu Ước bày tỏ cho mọi người biết về Thiên Chúa và về con người, cũng như những cách thế mà Thiên Chúa công bình và nhân từ đối xử với loài người. Tuy nội dung có những điều tạm thời và chưa toàn hảo, các sách ấy chứng tỏ khoa sư phạm đích thực của Thiên Chúa.**28** Do đó, các Ki-tô hữu phải thành kính đón nhận Cựu Ước là bộ sách diễn tả một cảm thức sâu sắc về Thiên Chúa, tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Ngài, một kiến thức khôn ngoan hữu ích về đời sống con người và những kho tàng kinh nguyện tuyệt diệu, trong đó ẩn chứa mầu nhiệm ơn cứu độ của chúng ta.

**16**

Như thế, Thiên Chúa, Đấng linh hứng và là tác giả của cả hai bộ sách Giao ước, đã khôn ngoan xếp đặt cho Tân Ước được tiềm tàng trong Cựu Ước, và Cựu Ước được tỏ hiện trong Tân Ước.**29** Thật vậy, tuy Chúa Ki-tô đã thiết lập Giao ước mới trong máu Ngài (x. Lc 22,20; 1 Cr 11,25), nhưng các sách Cựu Ước được thâu dụng trọn vẹn trong lời rao giảng Tin Mừng,**30** đã đạt được và giãi bày ý nghĩa đầy đủ trong Tân Ước (x. Mt 5,17; Lc 24,27; Rm 16,25-26; 2 Cr 3,14-16), nhưng đồng thời cũng làm sáng tỏ và giải nghĩa Tân Ước.

**CHƯƠNG V. TÂN ƯỚC**

**17**

Lời Thiên Chúa, sức mạnh Thiên Chúa Cha dùng để cứu rỗi tất cả những ai có lòng tin (x. Rm 1,16), được trình bày và biểu dương sức mạnh cách trổi vượt trong các sách Tân Ước. Thật vậy, khi đến thời viên mãn (x. Gl 4,4), Ngôi Lời đầy tràn ân sủng đã trở nên xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta (x. Ga 1,14). Chúa Ki-tô đã thiết lập Nước Thiên Chúa trên trần gian, Người đã dùng hành động cũng như lời nói để tỏ bày Cha của Người và chính mình, và đã hoàn tất công việc của Người khi chịu chết, sống lại, lên trời vinh hiển, và cử Thánh Thần đến. Chính Người, Đấng duy nhất có những lời ban sự sống đời đời (x. Ga 6,68), khi được nâng lên cao khỏi đất, đã kéo mọi người đến với mình (x. Ga 12,32, bản Hy-lạp). Mầu nhiệm này chưa từng được tỏ cho các thế hệ khác biết, nhưng nay đã được mạc khải trong Thánh Thần cho các thánh Tông đồ và các Ngôn sứ của Người (x. Ep 3,4-6, bản Hy-lạp) để họ rao giảng Tin Mừng, khơi dậy lòng tin vào Đức Giê-su, là Đấng Ki-tô và là Đức Chúa, đồng thời cũng quy tụ Giáo Hội. Về những điều ấy, các sách Tân Ước luôn là một bằng chứng thần linh trường tồn.

**18**

Không ai không biết rằng trong tất cả các Sách Thánh, kể cả các sách Tân Ước, thì các sách Tin Mừng xứng đáng có địa vị trổi vượt, vì là chứng tích chính yếu về đời sống và giáo huấn của Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng Cứu Chuộc chúng ta.

Trong mọi thời và ở mọi nơi, Giáo Hội đã và vẫn quả quyết rằng bốn sách Tin Mừng bắt nguồn từ các Tông đồ. Thật vậy, những điều mà các Tông đồ rao giảng theo lệnh truyền của Chúa Ki-tô, sau đó nhờ Chúa Thánh Thần linh hứng, chính các ngài và những người cùng làm việc tông đồ với các ngài đã lưu truyền cho chúng ta trong những văn bản làm nền tảng đức tin, đó là Tin Mừng dưới bốn hình thức theo Matthêô, Marcô, Luca và Gio-an.**31**

**19**

Mẹ thánh Giáo Hội đã và vẫn không ngừng quả quyết rằng bốn sách Tin Mừng vừa kể trên, mà Giáo Hội không ngần ngại khẳng định tính lịch sử, trung thành lưu truyền những gì Chúa Giê-su, Con Thiên Chúa, khi sống giữa loài người, thật sự đã làm và đã giảng dạy vì phần rỗi đời đời của họ, cho tới ngày Người được đưa về trời (x. Cv 1,1-2). Thật vậy, sau khi Chúa Giê-su lên trời, các Tông đồ đã truyền lại cho những người nghe các ngài những điều Chúa đã nói, đã làm với sự thông hiểu đầy đủ hơn**32** mà các ngài đã nhận được từ các biến cố vinh hiển của Chúa Ki-tô và đã học biết nhờ ánh sáng của Thánh Thần Chân Lý.**33** Các thánh sử đã viết bốn sách Tin Mừng bằng cách chọn một số trong những điều được truyền khẩu hay đã được ghi chép, tóm tắt hoặc giải thích một số điều tùy theo tình trạng của các giáo đoàn, và sau cùng vẫn giữ lại hình thức lời giảng, để luôn truyền đạt cho chúng ta những điều chính xác và trung thực về Chúa Giê-su.**34** Quả thế, dựa trên ký ức hay kỷ niệm riêng, hoặc dựa trên lời chứng của những người “từ đầu đã tận mắt chứng kiến và đã trở thành những người phục vụ cho Lời”, các ngài đã viết ra với chủ ý giúp chúng ta nhận thức được “tính xác thực” của những lời các ngài nói để dạy dỗ chúng ta (x. Lc 1,2-4).

**20**

Ngoài bốn quyển Tin Mừng, thư quy Tân Ước còn gồm các thư thánh Phao-lô và những văn bản khác thời các Tông đồ, đã được viết dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần; do ý định khôn ngoan của Thiên Chúa, các văn bản ấy củng cố thêm những gì liên hệ đến Chúa Ki-tô, trình bày ngày càng rõ ràng hơn giáo huấn đích thực của Người, rao giảng sức mạnh cứu độ của công trình thần linh do Chúa Ki-tô thực hiện, và tường thuật lại những bước đầu và sự tăng triển kỳ diệu, đồng thời tiên báo sự hoàn tất vinh hiển của Giáo Hội.

Thật thế, Chúa Giê-su đã ở bên các Tông đồ như xưa Người đã hứa (x. Mt 28,20) và đã cử Thánh Thần Bảo Trợ đến để dẫn dắt các ngài đến chân lý vẹn toàn (x. Ga 16,13).

**CHƯƠNG VI. THÁNH KINH TRONG ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI**

**21**

Giáo Hội vẫn luôn tôn kính Thánh Kinh giống như tôn kính chính Thánh Thể Chúa, đặc biệt trong Phụng vụ thánh, Giáo Hội không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa và bàn tiệc Mình Chúa Ki-tô để trao ban cho các tín hữu. Giáo Hội đã và vẫn luôn coi Thánh Kinh cùng với Thánh Truyền như là quy luật tối thượng của đức tin, bởi vì là sách được Thiên Chúa linh hứng và được ghi chép một lần cho mãi mãi. Thánh Kinh truyền đạt Lời của chính Thiên Chúa cách bất di bất dịch, và làm vang dội tiếng Chúa Thánh Thần trong lời của các Ngôn sứ và các Tông đồ. Vì vậy, toàn thể việc rao giảng trong Giáo Hội cũng như chính nếp sống đạo của người Ki-tô hữu phải được Thánh Kinh nuôi dưỡng và hướng dẫn. Quả thật, trong các Sách Thánh, Cha trên trời âu yếm đến gặp gỡ và trò chuyện với con cái của Ngài, vì trong Lời Thiên Chúa có uy lực và quyền năng lớn lao để mang lại sự nâng đỡ và sức sống cho Giáo Hội, đồng thời đem đến cho đoàn con của Giáo Hội sức mạnh của đức tin, lương thực của linh hồn, nguồn mạch tinh tuyền và trường tồn của đời sống thiêng liêng. Bởi thế, lời nói sau đây hoàn toàn đúng về Thánh Kinh: “Quả thật, Lời Thiên Chúa luôn sống động và linh nghiệm” (Dt 4,12), “có năng lực xây dựng và ban phần gia nghiệp cho tất cả những người đã được thánh hóa” (Cv 20,32; x. 1 Ts 2,13).

**22**

Lối vào Thánh Kinh cần phải được mở rộng cho các Ki-tô hữu. Chính vì thế, ngay từ buổi đầu, Giáo Hội đã thừa nhận bản dịch Cựu Ước Hy-lạp cổ, được gọi là bản Bảy Mươi; Giáo Hội vẫn luôn quí trọng các bản dịch Đông Phương khác và các bản dịch La-tinh, nhất là bản dịch thường gọi là bản Phổ Thông. Tuy nhiên, vì Lời Thiên Chúa phải luôn tiện dụng cho mọi thời đại nên Giáo Hội như một người mẹ, ân cần lo liệu sao cho có các bản dịch thích hợp và đúng nghĩa sang các thứ tiếng, nhất là dịch từ nguyên bản các Sách Thánh. Tất cả các Ki-tô hữu cũng có thể sử dụng cả những bản dịch, do hoàn cảnh thuận tiện và được giáo quyền chấp thuận, được thực hiện với sự cộng tác của các anh em ly khai.

**23**

Hiền thê của Ngôi Lời Nhập Thể tức Giáo Hội, được Chúa Thánh Thần dạy dỗ, cố gắng hiểu biết Thánh Kinh ngày càng sâu xa hơn, để không ngừng lấy Lời Chúa nuôi dưỡng con cái mình. Do đó, Giáo Hội có lý khi khuyến khích việc học hỏi các thánh Giáo phụ và các nghi lễ Phụng vụ thánh của Đông phương cũng như Tây phương. Phần các nhà chú giải Công giáo và những nhà nghiên cứu thần học phải tận tình hiệp lực để làm việc dưới sự quan tâm của Huấn Quyền, cố gắng dùng những phương thế thích hợp để nghiên cứu và trình bày Thánh Kinh, sao cho đại đa số những người phục vụ Lời Chúa có thể cung cấp hữu hiệu cho Dân Thiên Chúa lương thực Thánh Kinh có sức soi sáng tâm trí, củng cố ý chí và thiêu đốt lòng con người yêu mến Thiên Chúa.**35** Thánh Công Đồng khuyên nhủ con cái Giáo Hội đang nghiên cứu Kinh Thánh, hãy can đảm tiếp tục đến cùng công việc đã khởi sự tốt đẹp, với năng lực ngày càng đổi mới, trọn niềm hăng say, phù hợp với cảm thức của Giáo Hội.**36**

**24**

Khoa Thần học dựa trên Lời Thiên Chúa được viết trong Sách Thánh, cùng với Thánh Truyền, như dựa trên một nền tảng trường tồn, nhờ đó Thần học được củng cố thật vững chắc và luôn trẻ trung, để tất cả chân lý tiềm ẩn trong mầu nhiệm Chúa Ki-tô luôn được nghiên cứu dưới ánh sáng đức tin. Thánh Kinh chứa đựng Lời Thiên Chúa, và vì được linh hứng nên thật sự là Lời của Thiên Chúa; bởi thế, việc nghiên cứu Thánh Kinh phải trở nên như linh hồn của khoa Thần học.**37** Chính lời Thánh Kinh nuôi dưỡng cách tuyệt hảo và làm tăng triển cách trọn vẹn thừa tác vụ Lời Chúa, bao gồm việc giảng thuyết của các chủ chăn, việc dạy giáo lý và toàn thể giáo huấn Ki-tô giáo, trong đó bài giảng phụng vụ có một chỗ đứng đặc biệt.

**25**

Vì thế, tất cả các giáo sĩ, trước hết là các linh mục của Chúa Ki-tô và những người chính thức phục vụ Lời Chúa, với tư cách là phó tế hoặc giảng viên giáo lý, phải gắn bó với Thánh Kinh, nhờ chuyên cần đọc Sách Thánh và học hỏi kỹ càng, để đừng có ai trở thành “kẻ hời hợt rao giảng Lời Thiên Chúa ngoài miệng bởi đã không lắng nghe Lời đó trong lòng”**38** trong khi họ phải thông truyền, nhất là trong Phụng vụ thánh, những kho báu vô tận của Lời Thiên Chúa cho các tín hữu đã được giao phó. Cũng vậy, Thánh Công Đồng ân cần và đặc biệt khuyến khích mọi Ki-tô hữu, nhất là các tu sĩ, hãy đạt đến “sự hiểu biết tuyệt vời về Chúa Giê-su Ki-tô” (Pl 3,8) nhờ năng đọc Sách Thánh. “Thật vậy, không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Ki-tô”.**39** Vì thế, họ phải siêng năng tìm đến với chính bản văn Thánh Kinh, hoặc nhờ Phụng vụ thánh chứa đựng dồi dào Lời Chúa, hoặc nhờ việc sốt sắng đọc Sách Thánh, hoặc nhờ những lớp học hỏi thích hợp và những phương tiện khác hiện đang được phổ biến khắp nơi với sự chuẩn nhận và quan tâm của các vị Chủ chăn trong Giáo Hội. Nhưng đừng quên rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để trở thành cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì “chúng ta ngỏ lời với Người khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Người nói lúc chúng ta đọc các lời Người tuyên phán”.**40**

Các Giám mục là những người “gìn giữ giáo lý tông truyền”,**41** có phận sự tìm phương cách thích hợp để dạy cho các tín hữu đã được ủy thác cho các ngài biết sử dụng cho đúng các Sách Thánh, nhất là Tân Ước và đặc biệt là các sách Tin Mừng, qua các bản dịch có kèm theo những chú thích cần thiết và đầy đủ, để con cái Giáo Hội có thể tiếp xúc với Lời Chúa cách bảo đảm và ích lợi, cũng như được thấm nhuần tinh thần Thánh Kinh.

Hơn nữa, các vị chăn dắt các linh hồn, cũng như các Ki-tô hữu, dù trong bậc sống nào cũng nên khôn ngoan phổ biến các ấn bản Thánh Kinh với các ghi chú cần thiết, tiện dụng và thích hợp cho cả những người ngoài Ki-tô giáo.

**26**

Vì thế, ước gì nhờ việc đọc và học hỏi Sách Thánh, “Lời Thiên Chúa được phổ biến mau chóng và được tôn vinh” (2 Ts 3,1), và kho tàng mạc khải đã được ủy thác cho Giáo Hội ngày càng lấp đầy tâm hồn con người. Cũng như đời sống Giáo Hội được tăng trưởng nhờ năng tiếp xúc với mầu nhiệm Thánh Thể, ta được phép hy vọng rằng đời sống thiêng liêng cũng nhận được sự thúc đẩy mới nhờ việc gia tăng lòng sùng kính Lời Thiên Chúa, Lời “tồn tại muôn đời” (Is 40,8; x. 1 Pr 1,23-25).

*Tất cả và từng điều được ban bố trong Hiến Chế này đều đã được các Nghị phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, với thẩm quyền tông truyền nhận được từ Chúa Ki-tô, hợp nhất với các Nghị phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, quyết nghị và xác lập, và những gì đã được xác lập theo thể thức Công Đồng, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.*

Rô-ma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 18 tháng 11 năm 1965  
Tôi, PHAO-LÔ, Giám mục Giáo Hội Công giáo  
(Tiếp theo là chữ ký của các Nghị phụ)

**Chú thích**

**1** x. T. AUGUSTINÔ, *De catechizandis rudibus*, ch. IV, 8: PL 40, 316.

**2** x. Mt 11,27; Ga 1,14 và 17; 14,6; 17,1-3; 2 Cr 3,16 và 4,6; Ep 1,3-14.

**3** Epist. Ad Diognetum, 7, 4: xb. Funk, Patres Apostolici, 1, 403.

**4** CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 3: DS 1789 (3008).

**5** CĐ ORANGE II, điều 7: DS 180 (377); CĐ VA-TI-CA-NÔ I, 1. c, DS 1791 (3010).

**6** CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 2: DS 1786 (3005).

**7** nt.:DS 1785 và 1786 (3004 và 3005).

**8** x. Mt 28,19-20 và Mc 16,15; CĐ TREN-TÔ, khóa 4, Sắc lệnh *De Canonicis Scripturis*: DS 783 (1501).

**9** x. CĐ TREN-TÔ, nt.; CĐ VA-TI-CA-NÔ I, khóa 3, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 2: DS 1787 (3006).

**10** T. I-RÊ-NÊ, *Adv. Haer*. III, 3, 1: PG 7, 848; HARVEY, 2, tr. 9.

**11** x. CĐ NI-XÊ-A II: DS 303 (602); CĐ CONSTANTINÔPÔLI, khóa 10, điều 1: DS 336 (650-652).

**12** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 4: DS 1800 (3020).

**13** x. CĐ TREN-TÔ, Sắc lệnh *De Canonicis Scripturis*: DS 783 (1501).

**14** x. PI-Ô XII, Tông hiến *Munificentissimus Deus*, 1.11.1950: AAS 42 (1950), tr. 756, lấy lại lời thánh Cyprianô, *Epist*. 66, 8: CSEL 3, 2, tr. 733: “Giáo Hội là đoàn dân hợp nhất với linh mục và là đoàn chiên gắn bó với chủ chăn”.

**15** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 3: DS 1792 (3011).

**16** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Humani generis*, 12.8.1950: AAS 42 (1950), tr. 568-569: DS 2314 (3886).

**17** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius,*ch. 2: DS 1787 (3006); ỦY BAN KINH THÁNH GIÁO HOÀNG, Sắc lệnh ngày 18.6.1915: DS 2180 (3629); EB 420; THÁNH BỘ THÁNH VỤ, *Thư ngày*22.12.1923: EB 499.

**18** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu,* 30-9-1943: AAS 35 (1943), tr. 314; EB 556.

**19** *Trong và qua con người* : X. Dt 1,1 và 4, 7 (*trong*); 2 Sm 23,2; Mt 1,22 và nhiều nơi khác (*qua*); CĐ VA-TI-CA-NÔ I: *Schema de doctr. cath.,* ghi chú số 9: Coll. Lac. VII, 522.

**20** LÊ-Ô XIII, Thông điệp*Providentissimus Deus,* 18.11.1893: DS 1952 (3293); EB 125.

**21** x. T. AUGUSTINÔ, *De Gen. ad litt.* 2, 9, 20: PL 34,270-271; CSEL 28, 1, 46-47 và *Epist*. 82, 3: PL 33, 277; CSEL 34, 2, 354; T. TÔ-MA, *De Ver*. q. 12, a. 2, C; CĐ TREN-TÔ, khoản 4, *De canonicis Scripturis*: DS 783 (1501); LÊ-Ô XIII, Thông điệp *Providentissimus Deus*: EB 121, 124, 126-127; PI-Ô XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu:*EB 539.

**22** T. AUGUSTINÔ, *De Civ. Dei,* XVII, 6, 2: PL 41, 537; CSEL 40, 2, 228.

**23** T. AUGUSTINÔ, *De Doctr. Christ*. III. 18, 26: PL. 34, 75-76: CSEL 80, 95.

**24** PI-Ô XII, Thông điệp *Divino afflante Spiritu*: DS 2294 (3829-3820); EB 557-562.

**25** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp*Spiritus Paraclitus,* 15.9.1920: EB 469; T. GIÊRÔNIMÔ, *In Gal.* 5,19-21: PL 26, 417A.

**26** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius,*ch. 2: DS 1788 (3007).

**27** T. GIO-AN KIM KHẨU, *In Gen*. 3, 8 (hom. 17, 1): PG 53, 134. “Thích ứng” tiếng Hy-lạp là *synkatabasis*.

**28** PI-Ô XI, Thông điệp *Mit brennender Sorge*, 14.3.1937: AAS 29 (1927), tr. 151.

**29** T. AUGUSTINÔ,*Quaest. in Hept*. 2, 73: PL 34, 623.

**30** T. I-RÊ-NÊ*, Adv. Haer*. III, 21, 3: PG 7, 950 (= 25, 1: Harvey, 2, tr. 115); T. CYRILLÔ GIÊRUSALEM, *Catech.* 4, 35: PG 33,497; THEODORUS MOPSUESTIA, *In Soph*. 1, 4-6: PG 66, 452D-453A.

**31** x. T. I-RÊ-NÊ, *Adv. Haer* III, 11, 8: PG 7, 885; xb. Sagnard, tr. 194.

**32** x. Ga 14,26; 16,13.

**33** x. Ga 2,22; 12,16; x. 14,26; 16,12-13; 7,39.

**34** x. Huấn thị *Sancta Mater Ecclesia* do Ủy ban Giáo Hoàng về các nghiên cứu Thánh Kinh xuất bản: AAS 56 (1964), tr. 715.

**35** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu*, 30.9.1943: EB 551, 553, 567; ỦY BAN KINH THÁNH GIÁO HOÀNG, Huấn thị *De S. Scriptura in Clericorum Seminariis et Religiosorum Collegiis recte docenda,*13.5.1950: AAS 42 (1950), tr. 495-505.

**36** x. PI-Ô XII, nt.: EB 569.

**37** x. LÊ-Ô XIII, Thông điệp *Providentissimus Deus:* EB 114; BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Spiritus Paralitus,* 15.9.1920: EB 483.

**38** T. AUGUSTINÔ, *Hom.* 179, 1: PL 38, 966.

**39** T. GIÊRÔNIMÔ, *Comm*. *in Is.*, Prol.: PL 24, 17; x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp*Spiritus Paraclitus*: EB 475-480; PI-Ô XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu*: EB 544.

**40** T. AMBRÔSIÔ,*De Officiis ministrorum* I, 20, 88: PL 16, 50.

**41** T. I-RÊ-NÊ,*Adv. Haer*. IV, 32, 1: PG 7, 1071, (= 49,2 Harvey 2, tr. 255).